TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 102/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 11/07/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng;**

Các Thẩm phán : **Ông Hoàng Chí Nguyện;**

Ông Phan Quyết Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hằng** – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân Thành phố Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thành phố H: **Bà Nguyễn Thu Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2023 Tòa án nhân dân thành phố Thành phố H xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 74/2023/TLPT-HN&GĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HN&GĐ-ST ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2023/QĐPT-HN&GĐ ngày 25/05/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/QĐ-HPT ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đ.T.T, sinh năm 1981.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Số 12A, ngõ 109 phố Q, phường N, quận T, Thành phố H (*Có mặt*)

Bị đơn: Chị V.C.V, sinh năm 1987

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tập thể V, phường Đ, quận B, Thành phố H. (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông N.N.T – Luật sư Công ty luật TNHH Ngọc Tấn thuộc Đoàn luật sư thành phố Thành phố H – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Đ.T.T trình bày: Anh T đăng ký kết hôn với chị V.C.V tại UBND phường N, quận T, Thành phố H vào ngày 17/12/2013 trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2015. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, xô xát và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị được ly hôn chị V.

Về con chung: Anh T và chị V có 01 con chung là Đ.V.C.N, sinh ngày 12/2/2015 hiện đang ở với anh tại 12A, ngõ 109 phố Q, phường N, quận T, Thành phố H. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con: Hiện nay anh đang có 04 nhà riêng, trong đó 03 nhà đứng tên anh, một cái chưa có sổ đỏ. Về công việc hiện tại anh đang làm Phó giám đốc Công ty TNHH Thương mại và du học quốc tế Đài Loan, thu nhập 30.000.000 đồng/tháng. Anh khẳng định có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở để chăm sóc con tốt hơn so với chị V.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn chị V.C.V trình bày: Chị nhất trí với trình bày của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống chị thường xuyên bị bạo hành về thể chất và tinh thần bởi anh T. Nguyên nhân do chị không được lòng gia đình nhà chồng, gia đình chồng đã xúi giục chồng đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà vào tháng 12/2021, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung như anh T trình bày. Chị không đồng ý để anh T nuôi con, chị cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, bởi lẽ con chung là con gái, còn ít tuổi. Anh T là người không biết kiềm chế cảm xúc nên sẽ tạo ra một môi trường nuôi dạy không lành mạnh cho sự phát triển tâm sinh lý của bé gái.

Hiện tại chị là nhân viên văn phòng Công ty TNHH Trần Hồng Quân, thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở: Chị hiện đang ở tại nhà mẹ đẻ tại Tập thể V, phường Đ, quận B, Thành phố H. Nhà đó là nhà 5 tầng trên diện tích sàn gần 50m^2, chỉ có mẹ đẻ chị và em trai đang ở, nhà rất rộng. Chị khẳng định có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở để chăm sóc con tốt.

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị cũng không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Con chung của anh chị cháu Đ.V.C.N trình bày: Cháu hiện đang sống cùng với bố cháu tại số 12A, ngõ 109 phố Q, phường N, T, Thành phố H. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng với bố. Vì bố chăm sóc cháu tốt hơn mẹ, bố chăm cháu ăn, dạy cháu học, bố mua quần áo, đồ chơi, đồ dùng cho

cháu. Nhà cháu đang ở là nhà của bố, còn mẹ thì đang đi thuê trọ. Bố rất yêu cháu và cháu cũng rất yêu bố.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/HNGĐ-ST ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân quận T đã Quyết định: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ.T.T và chị V.C.V. **Về con chung**: Giao con chung là cháu Đ.V.C.N, sinh ngày 12/2/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi các bên có sự thay đổi khác. Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; **Về tài sản**: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, Tòa không xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/01/2023 bị đơn chị V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét để giao con chung là cháu N cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do như đã trình bày ở trên. Nếu được trực tiếp nuôi con chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị V tại phiên tòa có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V với lý do chị V hoàn toàn có đủ điều kiện về kinh tế, có công việc và thu nhập ổn định, có nhà ở để đảm bảo cuộc sống tốt cho cháu bé. Hơn nữa cháu là con gái nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Anh T hiện không có công việc ổn định, tính tình nóng nảy, không kiềm chế cảm xúc mỗi khi tức giận thường hay nổi nóng đánh chửi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu bé đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần con chung, giao cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ.V.C.N.

Nguyên đơn anh T không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thành phố H phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của bị đơn là chị V.C.V về việc yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Đ.V.C.N, sinh ngày 12/2/2015, Hội đồng xét xử xét: Anh Đ.T.T và chị V.C.V có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2013. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Đ.V.C.N, sinh ngày 12/2/2015. Ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Nguyện vọng về việc nuôi con chung của hai anh chị là chính đáng và là quyền lợi và trách nhiệm của người làm cha mẹ. Tuy nhiên khi giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, cần xem xét về mọi mặt để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về tâm sinh lý và hạn chế sự xáo trộn trong sinh hoạt của cháu nhỏ. Hội đồng xét xử xét: Xét về điều kiện của anh T, chị V đều có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định. Tuy nhiên, từ thời điểm vợ chồng ly thân (tháng 12/2021), cháu N vẫn ở với bố tại địa chỉ: Số 12A, ngõ 109 phố Q, phường N, quận T, Thành phố H. Cháu Vân ở đây được đi học ở trường học ngay gần nhà, đã quen trường lớp và các bạn. Khi ở với bố, anh T đều để chị V đón con buổi tối và ngày nghỉ. Nguyện vọng của cháu N muốn được ở cùng bố. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho cháu bé và sự ổn định về tâm lý cũng như sinh hoạt trên thực tế, cấp sơ thẩm giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

Tại cấp phúc thẩm, chị V không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xét và có hiệu lực thi hành**.**

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị V kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.
Điều 56, Điều 81, Điều 82 , Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân quận T, cụ thể như sau:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ.T.T và chị V.C.V.

2. Về con chung: Xác nhận anh T và chị V có một con chung là cháu Đ.V.C.N, sinh ngày 12/2/2015. Giao cháu Đ.V.C.N cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. **Về tài sản**: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Tòa không xét.

4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai số 0008212 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Thành phố H. Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại biên lai số 0008636 ngày 23/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Thành phố H. Anh T chị V đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 07 năm 2023.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Thành phố H;
- TAND quận T, Thành phố H;
- Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H
- UBND phường N, quận T, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng